

Số: **80** CBTT/2016/ND2  
Công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2015  
đã được Kiểm toán.

-----oOo-----  
Lào Cai, ngày 29 tháng 02 năm 2016

Kính gửi: – Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
– Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 xin trân trọng thông báo tới Quý đơn vị như sau:

- Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2
  - Mã chứng khoán: ND2
  - Trụ sở chính: Số 336 Đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
  - Điện thoại: 020 33 501 540 Fax: 0203 906 661
  - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
- Nội dung công bố thông tin:
  - Công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2015 kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 được lập ngày 29/02/2016 đã được Kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn KPMG.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/02/2015 Tại đường dẫn <http://www.nedi2.com.vn> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

- Tài liệu đính kèm:  
01 bản công chứng Báo cáo tài chính năm 2015

Đại diện tổ chức  
Người đại diện theo Pháp luật



GIÁM ĐỐC  
*Ứng Hồng Vận*

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện  
Miền Bắc 2**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015





**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận đăng ký  
kinh doanh số**

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 8 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 5 tháng 7 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Điệp  
Ông Nguyễn Thanh Hoàn  
Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
*(từ ngày 10 tháng 4 năm 2015)*

Ông Nguyễn Phúc Hường

Thành viên  
*(đến ngày 10 tháng 4 năm 2015)*

Ông Ứng Hồng Vận  
Bà Mạc Thị Thanh Xuân

Thành viên  
Thành viên  
*(đến ngày 18 tháng 12 năm 2015)*

**Ban Giám đốc**

Ông Ứng Hồng Vận  
Ông Nguyễn Hải Đăng  
Ông Trần Vĩnh Hào

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Số 336, Đường Hoàng Liên  
Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Ưng Hồng Vận  
Giám đốc

Thành phố Lào Cai, 29 -02- 2016



**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,  
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600  
Fax +84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Các Cổ đông**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 2 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến 32.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với một số điểm cần nhấn mạnh đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 10 tháng 2 năm 2015.

**Công ty TNHH KPMG**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-203



Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 2 năm 2016

Lê Việt Hùng  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0296-2013-007-1



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014 TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>132.513.934.486</b>	<b>147.791.262.206</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>71.538.546.625</b>	<b>16.878.405.960</b>
Tiền	111		11.538.546.625	16.878.405.960
Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50.641.709.611</b>	<b>130.651.657.263</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	31.727.542.578	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.490.807.062	23.890.917.076
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.423.359.971	106.760.740.187
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>9.713.934.067</b>	<b>-</b>
Hàng tồn kho	141		9.713.934.067	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>619.744.183</b>	<b>261.198.983</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		574.264.161	229.460.925
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	45.480.022	31.738.058
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>1.923.840.981.417</b>	<b>1.886.657.675.925</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.912.588.214.027</b>	<b>8.651.325.048</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.904.296.908.896	360.019.917
Nguyên giá	222		1.974.089.893.197	1.740.315.924
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.792.984.301)	(1.380.296.007)
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.291.305.131	8.291.305.131
Nguyên giá	228		8.291.305.131	8.291.305.131
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>10.681.315.849</b>	<b>1.867.447.381.354</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	10.681.315.849	1.867.447.381.354
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>571.451.541</b>	<b>10.558.969.523</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	571.451.541	10.558.969.523
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.056.354.915.903</b>	<b>2.034.448.938.131</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.560.888.311.785</b>	<b>1.598.142.634.338</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>159.376.699.203</b>	<b>308.393.077.387</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	66.987.475.179	122.729.726.738
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	5.015.305.141	5.462.248.239
Phải trả người lao động	314		7.695.446.046	4.266.308.565
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	27.481.142.375	26.152.042.285
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	11.343.330.462	28.377.284.454
Vay ngắn hạn	320	17(a)	40.854.000.000	121.405.467.106
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.401.511.612.582</b>	<b>1.289.749.556.951</b>
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	203.000.000	210.000.000
Vay dài hạn	338	17(b)	1.401.308.612.582	1.289.539.556.951
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>495.466.604.118</b>	<b>436.306.303.793</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>495.466.604.118</b>	<b>436.306.303.793</b>
Vốn cổ phần	411	19	415.296.507.633	415.296.507.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.296.507.633	415.296.507.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	8.628.956.068
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	69.527.646.485	1.738.390.092
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.738.390.092	1.589.839.269
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		67.789.256.393	148.550.823
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.056.354.915.903</b>	<b>2.034.448.938.131</b>

29 -02- 2016

Người lập:



Lâm Thị Hà  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Đặng Hồng Vận  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng	01		374.485.952.024	-
Giá vốn hàng bán	11		116.647.759.738	-
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>257.838.192.286</b>	<b>-</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	11.035.998.663	172.587.387
Chi phí tài chính	22	22	162.381.604.250	11.419.217
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		143.603.067.699	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	39.497.680.865	-
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>66.994.905.834</b>	<b>161.168.170</b>
Thu nhập khác	31		826.673.260	73.337.083
Chi phí khác	32		32.322.701	44.055.481
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>794.350.559</b>	<b>29.281.602</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>67.789.256.393</b>	<b>190.449.772</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	41.898.949
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>67.789.256.393</b>	<b>148.550.823</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.632	2

29 -02- 2016

Người lập:



Lâm Thị Hà  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh  
Kế toán trưởng




Ứng Hồng Vận  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>67.789.256.393</b>	<b>190.449.772</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		68.412.688.294	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.842.349.448	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(870.063.951)	(238.587.387)
Chi phí lãi vay	06		143.603.067.699	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>281.777.297.883</b>	<b>(48.137.615)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		79.651.402.452	(3.310.291.433)
Biến động hàng tồn kho	10		(9.713.934.067)	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(16.991.047.239)	12.751.792.277
Biến động chi phí trả trước	12		2.391.222.917	225.184.026
			<b>337.114.941.946</b>	<b>9.618.547.255</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(156.794.011.753)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.562.869)	(116.029.706)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>180.300.367.324</b>	<b>9.502.517.549</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(157.727.879.135)	(494.602.213.511)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		-	66.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		870.063.951	172.587.387
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(156.857.815.184)</b>	<b>(494.363626.124)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	62.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		167.897.332.295	490.047.305.055
Tiền trả nợ gốc vay	34		(136.679.743.770)	(87.831.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>31.217.588.525</b>	<b>464.216.305.055</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>54.660.140.665</b>	<b>(20.644.803.520)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>16.878.405.960</b>	<b>37.523.209.480</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>71.538.546.625</b>	<b>16.878.405.960</b>

**29 -02- 2016**

Người lập:



Lâm Thị Hà  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đinh Tuấn Anh  
Kế toán trưởng




Ứng Hồng Vận  
Giám đốc

## **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

##### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, buro chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### **(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát chính thức đi vào hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 98 nhân viên (1/1/2015: 92 nhân viên).



## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh số 4(a)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh số 4(m)).

#### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

##### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty, thì được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty bắt đầu hoạt động. Khi Công ty bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng, các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần có liên quan được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện hoặc vào Tài khoản Chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.



## Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá bao gồm cả chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của khoản lãi chênh lệch tỷ giá trước đây được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái là 8.629 triệu VND được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do sự thay đổi chính sách kế toán này, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 tăng 8.629 triệu VND.

#### (b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### (c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### (d) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ công trình thủy điện	35 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không phải trích khấu hao.

**(f) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(g) Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí đã trả của các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán.

**(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(i) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



## Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### (k) Doanh thu và thu nhập khác

##### (i) Doanh thu từ bán điện

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu chỉ bao gồm tiền bán điện do Nhà máy thủy điện Ngòi Phát sản xuất ra. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

##### (ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

#### (l) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

**(n) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	116.992.361	2.272.396.028
Tiền gửi ngân hàng	11.421.554.264	14.606.009.932
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	71.538.546.625	16.878.405.960

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu người lao động	12.091.828	11.811.871
Các khoản chi hộ	1.508.108.163	2.276.093.455
Phải thu từ Công ty Cổ phần Mua bán điện (*)	-	98.160.494.316
Tạm ứng	6.551.257.179	5.305.572.372
Ký cược, ký quỹ	250.972.714	250.972.714
Phải thu khác	1.100.930.087	755.795.459
	<b>9.423.359.971</b>	<b>106.760.740.187</b>

(\*) Khoản phải thu khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Mua bán điện phản ánh doanh thu bán điện trong giai đoạn chạy thử của dự án công trình thủy điện Ngòi Phát.

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	489.503.623	-	-	-
Công cụ và dụng cụ	9.224.430.444	-	-	-
	<b>9.713.934.067</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Công trình thủy điện VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	-	66.050.958	329.611.934	1.344.653.032	1.740.315.924
Tăng trong năm	-	-	-	2.329.577.273	2.329.577.273
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.407.830.000.000	-	562.190.000.000	-	1.970.020.000.000
Số dư cuối năm	1.407.830.000.000	66.050.958	562.519.611.934	3.674.230.305	1.974.089.893.197
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	-	66.050.958	289.296.781	1.024.948.268	1.380.296.007
Khấu hao trong năm	40.224.285.714	-	28.063.273.376	125.129.204	68.412.688.294
Số dư cuối năm	40.224.285.714	66.050.958	28.352.570.157	1.150.077.472	69.792.984.301
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	-	-	40.315.153	319.704.764	360.019.917
Số dư cuối năm	1.367.605.714.286	-	534.167.041.777	2.524.152.833	1.904.296.908.896

Các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015 là 721 triệu VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát chuyển sang tài sản cố định hữu hình từ xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 là 486.504 triệu VND.



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và chi phí san nền, giải phóng mặt bằng liên quan đến lô đất tại Đường Thủy Hoa, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai.

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Số dư đầu năm	1.867.447.381.354	1.350.242.716.519
Tăng trong năm	111.845.316.131	517.204.664.835
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	7.596.295.065	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (*)	(1.970.020.000.000)	-
Xóa sổ	(6.187.676.701)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.681.315.849</b>	<b>1.867.447.381.354</b>

(\*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát đi vào hoạt động chính thức và được chuyển sang tài sản cố định hữu hình theo quyết định của Ban Giám đốc Công ty. Công ty đã ghi nhận nguyên giá của dự án công trình thủy điện này bằng tổng mức đầu tư của dự án được duyệt là 1.970.020 triệu VND, xấp xỉ với chi phí thực tế phát sinh tạm tính của dự án. Giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát sẽ được điều chỉnh khi hồ sơ quyết toán công trình được hoàn thiện và phê duyệt.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, các hồ sơ quyết toán vẫn chưa được hoàn thiện.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát	7.562.220.374	1.859.169.067.017
Công trình Khu đô thị thương mại Thủy Hoa	2.391.822.749	2.090.637.636
Công trình Thủy điện Chu Linh – Cốc San (*)	-	4.257.321.341
Công trình Thủy điện Sử Pán (*)	-	480.355.360
Công trình Thủy điện Tà Thàng (*)	-	1.450.000.000
Dự án Ngòi Phát mở rộng	36.363.636	-
Dự án suối Chăn	690.909.090	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.681.315.849</b>	<b>1.867.447.381.354</b>

(\*) Các khoản chi phí cho các công trình thủy điện Chu Linh – Cốc San, Sử Pán, Tà Thàng với tổng phí phát sinh là 6.188 triệu VND đã được Vinaconex thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Trong năm 2015, Hội đồng quản trị của Công ty đã quyết định ghi nhận các khoản trên vào chi phí trong năm.

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán Dự án Thủy điện Chu Linh – Cốc San (*) VND	Chi phí trả cho các công trình chưa đủ điều kiện quyết toán – Dự án Thủy Điện Ngòi Phát VND	Chi phí thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.938.961.039	7.596.295.065	23.713.419	10.558.969.523
Tăng trong năm	-	-	4.490.390.892	4.490.390.892
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(7.596.295.065)	-	(7.596.295.065)
Xóa sổ	(2.938.961.039)	-	-	(2.938.961.039)
Phân bổ trong năm	-	-	(3.942.652.770)	(3.942.652.770)
Số dư cuối năm	-	-	571.451.541	571.451.541

(\*) Các khoản chi phí cho Dự án Thủy điện Chu Linh – Cốc San đã được Vinaconex thực hiện đầu tư từ các năm trước và chuyển giao cho Công ty. Hiện tại, dự án này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai chuyển giao cho chủ đầu tư khác. Trong năm 2015, Hội đồng quản trị của Công ty đã quyết ghi nhận các khoản trên vào chi phí trong năm.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimeco	13.597.592.229	13.597.592.229	29.982.262.161	29.982.262.161
Công ty TNHH tư nhân Andritz Hydro	8.823.871.182	8.823.871.182	22.274.338.788	22.274.338.788
Công ty TNHH Xây dựng và lắp đặt thủy điện tỉnh Triết Giang	27.882.953.914	27.882.953.914	24.567.691.077	24.567.691.077
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	1.749.442.970	1.749.442.970	13.887.490.766	13.887.490.766
Các nhà cung cấp khác	14.933.614.884	14.933.614.884	32.017.943.946	32.017.943.946
	66.987.475.179	66.987.475.179	122.729.726.738	122.729.726.738



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimeco	13.597.592.229	13.597.592.229	29.982.262.161	29.982.262.161
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	1.749.442.970	1.749.442.970	13.887.490.766	13.887.490.766
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	125.740.469	125.740.469	8.354.286.295	8.354.286.295
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	201.343.070	201.343.070	1.469.266.060	1.469.266.060
Công ty cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại	1.116.943.700	1.116.943.700	1.027.316.157	1.027.316.157
	<b>16.791.062.438</b>	<b>16.791.062.438</b>	<b>54.720.621.439</b>	<b>54.720.621.439</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có khoản phải trả nào quá hạn chưa thanh toán.

**14. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	34.309.907.208	(34.309.907.208)	-
Thuế nhà thầu	-	2.362.965.493	(992.302.338)	1.370.663.155
Thuế nhập khẩu	(10.326.045)	-	-	(10.326.045)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.591.108)	-	(20.562.869)	(35.153.977)
Thuế thu nhập cá nhân	(6.820.905)	670.248.336	(540.649.269)	122.778.162
Thuế tài nguyên	5.462.248.239	24.319.138.971	(26.259.523.386)	3.521.863.824
	<b>5.430.510.181</b>	<b>61.662.260.008</b>	<b>(62.122.945.070)</b>	<b>4.969.825.119</b>

Trong đó:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(45.480.022)	(31.738.058)
Thuế phải nộp Nhà nước	5.015.305.141	5.462.248.239
	<b>4.969.825.119</b>	<b>5.430.510.181</b>

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay phải trả	12.961.098.231	26.152.042.285
Chi phí phải trả cho tài sản cố định hữu hình	14.520.044.144	-
	<hr/>	<hr/>
	<b>27.481.142.375</b>	<b>26.152.042.285</b>

**16. Các khoản phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	109.262.259	234.330.272
Bảo hiểm xã hội	-	1.652.727
Bảo hiểm y tế	-	275.455
Bảo hiểm thất nghiệp	-	91.818
Các khoản phải trả khác	11.234.068.203	28.140.934.182
	<hr/>	<hr/>
	<b>11.343.330.462</b>	<b>28.377.284.454</b>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản phải trả dài hạn khác	203.000.000	210.000.000
	<hr/>	<hr/>

**(c) Phải trả khác cho các bên liên quan**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cho công ty mẹ	5.970.230.412	25.957.226.776
Phải trả các bên liên quan khác	41.158.810	33.423.282
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
(a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	500.000.000	500.000.000	27.004.451.770	(27.004.451.770)	500.000.000	500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	120.905.467.106	120.905.467.106	17.275.532.894	(97.827.000.000)	40.354.000.000	40.354.000.000
	121.405.467.106	121.405.467.106	44.279.984.664	(124.831.451.770)	40.854.000.000	40.854.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
VND	14%	500.000.000	500.000.000

Công ty Cổ phần Vimeco

Ngày 13 tháng 12 năm 2011, Công ty ký kết ước vay vốn lưu động với Công ty Cổ phần Vimeco, với số tiền vay là 500 triệu VND. Khoản vay đã quá hạn thành toán từ ngày 14 tháng 12 năm 2011 nhưng chưa được gia hạn. Lãi suất cố định là 14%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Công ty và Công ty Cổ phần Vimeco đã thỏa thuận thanh toán khoản vay này cùng với các khoản phải trả người bán đối với Công ty Cổ phần Vimeco khi hồ sơ quyết toán các công trình do Công ty Cổ phần Vimeco làm chủ thầu cho Công ty được hoàn thiện và phê duyệt.

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	1.441.662.612.582	1.410.445.024.057
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(40.354.000.000)	(120.905.467.106)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.401.308.612.582	1.289.539.556.951

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	10,5%	2027	1.041.081.517.582	1.059.114.671.057
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	6,9-11,4%	2020	400.581.095.000	351.330.353.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				1.441.662.612.582 (40.354.000.000)	1.410.445.024.057 (120.905.467.106)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.401.308.612.582	1.289.539.556.951

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát bao gồm quyền sử dụng đất, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay từ các ngân hàng này.

Ngày 25 tháng 3 năm 2015, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03.2015/PL với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam sửa đổi một số điều khoản của Hợp đồng tín dụng số 01/2008/NEDI2-SGD/HDTDDH ký ngày 18 tháng 10 năm 2008. Phụ lục này sửa đổi thời gian thanh toán nợ gốc của Hợp đồng này thành 52 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 3 tháng, kỳ đầu tiên sẽ được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Do số kỳ thanh toán nợ gốc và số tiền thanh toán từng kỳ thay đổi, khoản vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã giảm so với ngày 1 tháng 1 năm 2015.



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Vay quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Vay ngắn hạn – Công ty Cổ phần Vimenco (*)	500.000.000	240.772.000	500.000.000	149.800.000

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015, Công ty chưa ghi nhận chi phí lãi vay cho khoản vay quá hạn từ Công ty Cổ phần Vimenco lần lượt là 241 triệu VND và 150 triệu VND.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	353.296.507.633	10.642.450.000	8.607.542.231	1.589.839.269	374.136.339.133
Nhận góp vốn	62.000.000.000	-	-	-	62.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	148.550.823	148.550.823
Chênh lệch tỷ giá	-	-	21.413.837	-	21.413.837
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	415.296.507.633	10.642.450.000	8.628.956.068	1.738.390.092	436.306.303.793
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	67.789.256.393	67.789.256.393
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(8.628.956.068)	-	(8.628.956.068)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	415.296.507.633	10.642.450.000	-	69.527.646.485	495.466.604.118



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	421	8.947.295	487	10.389.848

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	870.063.951	172.587.387
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.165.934.712	-
	<hr/> 11.035.998.663	<hr/> 172.587.387

**22. Chi phí tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	143.603.067.699	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.842.349.448	-
Phí bảo lãnh cho các khoản vay	15.870.375.014	-
Chi phí tài chính khác	65.812.089	11.419.217
	<hr/> 162.381.604.250	<hr/> 11.419.217

**23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân công	16.882.709.850	-
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	352.520.137	-
Chi phí khấu hao	44.340.454	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.248.717.700	-
Chi phí khác	15.969.392.724	-
	<hr/> 39.497.680.865	<hr/> -



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.126.142.572	-
Chi phí nhân công	24.771.762.164	-
Chi phí khấu hao	68.412.688.294	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.594.293.048	-
Chi phí khác	51.240.554.525	-

**25. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành	-	41.898.949

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	67.789.256.393	190.449.772
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	14.913.636.406	41.898.949
Chi phí không được khấu trừ thuế	14.221.989	-
Ưu đãi thuế	(14.927.858.395)	-
	-	41.898.949

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư dự án được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư năm 2005 và các quy định pháp luật hiện hành. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 04 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2017). Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh. Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% trong năm 2015 và 20% từ năm 2016 trở đi (2014: 22%).

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 67.789 triệu VND (2014: 149 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 41.529.650 cổ phiếu (2014: 35.329.650 cổ phiếu).

**27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam</b>		
Phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	15.870.375.014	18.748.307.558
Thanh toán phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	34.992.938.026	-
Góp vốn	-	62.000.000.000
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam</b>		
Số tiền vay nhận trong năm	75.815.138.525	360.740.023.055
Số gốc vay trả trong năm	82.000.000.000	5.831.000.000
<b>Công ty Cổ phần Vimeco</b>		
Mua hàng	46.036.091.962	59.653.478.790
Góp vốn	-	8.387.000.000
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng số 7</b>		
Mua hàng	10.982.857.651	33.893.164.257
<b>Công ty Cổ phần Xây Dựng số 5</b>		
Mua hàng	2.882.050.749	28.444.544.483
<b>Công ty cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại</b>		
Mua hàng	3.587.752.290	8.666.381.032
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	2.250.393.332	1.456.321.385



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

	1/1/2015 VND (phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	106.760.740.187	101.204.195.101
Tài sản ngắn hạn khác	-	5.556.545.086

29 -02- 2016

Người lập:

Lâm Thị Hà  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Ứng Hồng Vận  
Giám đốc